

DOI: <https://doi.org/10.59294/HIUJS.KHQG.2024.006>

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Nguyễn Hoài Sanh\*

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

### TÓM TẮT

Năm 2018, Chương trình giáo dục phổ thông mới (Chương trình giáo dục phổ thông 2018 - CTGDPT 2018) được ban hành, từ năm học 2019 - 2020 việc triển khai chương trình, sách giáo khoa theo CTGDPT 2018 bắt đầu với lớp 1, đến năm học 2022 - 2023 chương trình mới đang được triển khai ở lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 và lớp 10. Để triển khai CTGDPT 2018 thành công, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục toàn diện trong bối cảnh mới, cần có nhiều điều kiện đảm bảo. Bởi lẽ, so với chương trình cũ, CTGDPT 2018 có nhiều điểm mới, liên quan đến: Quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDPT; nội dung và thời lượng giáo dục; phương pháp dạy học; vai trò sách giáo khoa; vai trò của giáo viên; yêu cầu với học sinh; yêu cầu đối với cha mẹ học sinh; vai trò chủ động của cơ sở giáo dục; điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; trách nhiệm của địa phương... Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu những vấn đề đặt ra đối với đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu của CTGDPT 2018.

**Từ khóa:** chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên, đào tạo giáo viên

## GENERAL EDUCATION PROGRAM 2018 AND PROBLEMS RAISED FOR TEACHER TRAINING

Nguyen Hoai Sanh

### ABSTRACT

In 2018, the new General Education Program (2018 General Education Program – 2018 GEP) was issued. From the 2019 - 2020 school year, the implementation of the program and textbooks according to the 2018 General Education Program began with grade 1, and by the 2022 - 2023 school year, the GEP was implemented for grades 1, 2, 3, 6, 7 and 10. To implement the 2018 General Education Program successfully, creating strong changes and improvements in the quality of comprehensive education in the new context, many conditions must be met. This is because, compared to the old program, the GEP has many new points, related to: perspectives and goals of the new GEP, educational contents and duration, teaching methods, the role of textbooks, the role of teachers, requirements for students and for parents, active roles of educational institutions, conditions of facilities and teaching equipments and local responsibility, etc. In this article, we discuss the issue of innovating teacher training to meet the requirements of the GEP.

**Keywords:** General Education Program 2018, teacher, teacher training

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã được Đảng ta quan tâm ban hành Nghị quyết. Việc thay thế chương trình đào tạo cũ bằng một chương trình đào tạo mới ở phạm vi toàn quốc là một cuộc cách mạng trong giáo dục, tác động toàn diện đến giáo dục phổ

\*Tác giả liên hệ: TS. Nguyễn Hoài Sanh, Email: [sanhnh@hiu.vn](mailto:sanhnh@hiu.vn)

(Ngày nhận bài: 29/03/2024; Ngày nhận bản sửa: 02/05/2024; Ngày duyệt đăng: 04/05/2024)

thông quốc gia. Vì vậy, khi đi vào triển khai áp dụng trên thực tế, chắc chắn sẽ phát sinh nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

Trong hoạt động giáo dục, một chương trình giáo dục tốt chỉ có thể thực sự phát huy giá trị khi các nguồn lực thực hiện được đảm bảo, trong đó đặc biệt là nguồn nhân lực, trước hết là đội ngũ giáo viên. Dù trong điều kiện nào, người giáo viên vẫn đóng vai trò đặc biệt quan trọng đến chất lượng giáo dục phổ thông. Rõ ràng, việc đổi mới CTGDPT, nâng cao chuẩn đầu ra của học sinh phổ thông, đòi hỏi công tác đào tạo giáo viên phải đổi mới, đi trước một bước.

## 2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

### 2.1. Một số điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 so với Chương trình giáo dục phổ thông 2006

Để thấy những điểm mới của CTGDPT 2018 so với CT 2006, chúng ta so sánh dựa trên các tiêu chí cơ bản sau [1]:

**Bảng 1.** Những điểm mới của CTGDPT 2018 so với CT 2006

1.1. Về quan điểm, mục tiêu chương trình	Chương trình GDPT 2006	Chương trình GDPT 2018
	<p>- <i>Quan điểm:</i> Theo <b>định hướng nội dung</b>, dạy học theo mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng; chỉ đạo theo hướng tập trung, thống nhất.</p> <p>- <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>- <i>Quan điểm:</i> Theo định hướng <b>phát triển năng lực và phẩm chất</b>. Các năng lực, phẩm chất này đều được cụ thể hóa bằng những yêu cầu cần đạt ở từng môn học, cấp học; đổi mới toàn diện và đồng bộ, từ chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Chỉ đạo theo hướng tăng quyền tự chủ cho địa phương, cơ sở giáo dục và giáo viên.</p> <p>- <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.</p>
1.2. Về nội dung, thời lượng	<p>- <i>Nội dung:</i> Có 14 nội dung giáo dục: Giáo dục ngôn ngữ; Giáo dục toán học; Giáo dục đạo đức; Giáo dục tự nhiên và xã hội; Giáo dục khoa học; Giáo dục nghệ thuật; Giáo dục kỹ thuật; Giáo dục thể chất; Giáo dục Tin học; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục tập thể; Giáo dục ngoài giờ lên lớp; Giáo dục hướng nghiệp; Giáo dục nghề phổ thông.</p>	<p>- <i>Nội dung:</i> Có 14 nội dung giáo dục: Giáo dục ngôn ngữ và văn học; Giáo dục toán học; Giáo dục khoa học xã hội; Giáo dục khoa học tự nhiên; Giáo dục công nghệ; Giáo dục tin học; Giáo dục công dân; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục nghệ thuật; Giáo dục thể chất; Giáo dục hướng nghiệp; Các chuyên đề học tập; Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm,</p>

	<p>Cấp Tiểu học có 11 môn học bắt buộc, gồm: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Thủ công, Kỹ thuật, Khoa học, Lịch sử và Địa lí; Hoạt động giáo dục bắt buộc: Giáo dục tập thể, Giáo dục ngoài giờ lên lớp. Ngoài ra còn có môn học tự chọn (Tin học, Tiếng Anh, Tiếng dân tộc). Thời lượng giáo dục tối thiểu 35 tuần/1 năm học và 23 - 26 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 35 phút. Cấp THCS có 13 môn học bắt buộc: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lí, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật; Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động giáo dục tập thể, ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp. Ngoài ra còn có môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2. Thời lượng giáo dục là 35 tuần/1 năm học và 27-29 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 45 phút. * Cấp THPT có 13 môn học bắt buộc: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Lịch sử, Địa lí, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục công dân, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất; Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động giáo dục tập thể, ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp. Ngoài ra còn có môn học tự chọn (Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2. - <i>Thời lượng</i>: Thời lượng giáo dục là 35 tuần/1 năm học và 29,5 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 45 phút. * Tất cả các trường, lớp đều thực hiện kế hoạch giáo dục do Bộ GD&amp;ĐT ban hành.</p>	<p>hướng nghiệp và Nội dung giáo dục của địa phương. Nội dung giáo dục, môn học mới: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương * Cấp Tiểu học có 10 môn học bắt buộc, gồm: Tiếng Việt, Toán, Ngoại ngữ 1, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Tin học và Công nghệ, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật; Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm. Ngoài ra còn có môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1. Thời lượng giáo dục 35 tuần/1 năm học và 25-30 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 35 phút. * Cấp THCS có 10 môn học bắt buộc: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục công dân, Khoa học Tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật. Hoạt động giáo dục bắt buộc (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp); Nội dung giáo dục của địa phương. Ngoài ra còn có môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2. Thời lượng giáo dục 35 tuần/1 năm học và 29-29,5 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 45 phút. * Cấp THPT có 6 môn học bắt buộc: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Lịch sử. 4/9 môn học lựa chọn: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật. Hoạt động giáo dục bắt buộc (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp); Nội dung giáo dục của địa phương. Ngoài ra còn có môn học tự chọn (Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2. Thời lượng giáo dục là 35 tuần/1 năm học và 28,5 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 45 phút. * Địa phương và Nhà trường được trao quyền chủ động và trách nhiệm trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của Nhà trường.</p>
--	---	--

<p>1.3. Về phương pháp giảng dạy</p>	<p>Định hướng trang bị kiến thức, kỹ năng. Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) chuyển từ PPDH truyền thống sang PPDH tích cực nhưng về cơ bản vẫn còn nặng về trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài tập theo yêu cầu thi cử.</p>	<p>Học sinh tự lực chiếm lĩnh kiến thức để phát triển năng lực, phẩm chất (qua hoạt động học và vận dụng kiến thức). Thực hiện PPDH tích cực: tích cực hóa hoạt động học tập; chú trọng tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh; thực hiện phương châm “Học qua làm”.</p>
<p>1.4. Về vai trò của giáo viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức dạy học cơ bản theo phân phối chương trình đã được xác định (đúng theo số tiết/tuần đã được quy định trong chương trình); không phải xây dựng lại phân phối chương trình (cơ bản theo trình tự nội dung đã có trong SGK; việc điều chỉnh nếu có là không nhiều).</li> <li>- Thực hiện đổi mới PPDH nhưng cơ bản vẫn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng; chưa có nhiều yêu cầu vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là thực tiễn tại địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình "mở" (chỉ quy định số tiết/năm học) đòi hỏi giáo viên phải tham gia xây dựng phân phối chương trình, cùng nhà trường và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học.</li> <li>- Có một số môn học mới đòi hỏi giáo viên (có năng lực chuyên môn phù hợp) tham gia dạy học; có một số nội dung giáo dục mới trong môn học đòi hỏi giáo viên phải cập nhật; có những yêu cầu về vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại địa phương đòi hỏi giáo viên phải sáng tạo hơn so với những gì đã viết trong SGK (chung cho toàn quốc).</li> <li>- Về PPDH: Vai trò của giáo viên là phải chuyển mạnh từ vị trí là "người dạy" sang vị trí là người "tổ chức, kiểm tra, định hướng" hoạt động học của học sinh. Thực hiện hiệu quả hơn, triệt để hơn yêu cầu về PPDH "học qua Làm".</li> </ul>
<p>1.4. Về vai trò của sách giáo khoa</p>	<p>Nội dung sách giáo khoa (SGK) được coi là "nguồn kiến thức", là căn cứ duy nhất để dạy học, kiểm tra, đánh giá và thi; cả Chương trình GDPT chỉ có một bộ SGK duy nhất.</p>	<p>Nội dung SGK đóng vai trò là "học liệu" (không phải là nguồn kiến thức duy nhất) để tổ chức hoạt động dạy học; dạy học theo nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình; mỗi môn học có nhiều SGK. Một chương trình, nhiều SGK là giải pháp quan trọng để thay đổi mục tiêu dạy học từ "truyền thụ kiến thức" sang dạy học "phát triển năng lực".</p>

Qua bảng so sánh ở các khía cạnh trên, chúng ta thấy CTGDPT 2018 có khá nhiều điểm mới so với chương trình GDPT 2006, trong đó có những điểm mới rất quan trọng, như: quan điểm xây dựng chương trình, từ định hướng nội dung sang định hướng phát triển năng lực và phẩm chất; về phương pháp giảng dạy, thực hiện PPDH tích cực: tích cực hóa hoạt động học tập; chú trọng tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh; thực hiện phương châm “Học qua làm”; học sinh tự lực chiếm lĩnh kiến thức để phát triển năng lực, phẩm chất (qua hoạt động học và vận dụng kiến thức). Nội dung SGK đóng vai trò là "học liệu" (không phải là nguồn kiến thức duy

nhất) để tổ chức hoạt động dạy học; dạy học theo nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình; mỗi môn học có nhiều SGK.

Từ những thay đổi trên, vai trò của người giáo viên cũng thay đổi lớn. Chương trình "mở" (chỉ quy định số tiết/năm học) đòi hỏi giáo viên phải tham gia xây dựng phân phối chương trình, cùng nhà trường và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học. Có một số môn học mới đòi hỏi giáo viên (có năng lực chuyên môn phù hợp) tham gia dạy học; có một số nội dung giáo dục mới trong môn học đòi hỏi giáo viên phải cập nhật; có những yêu cầu về vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại địa phương đòi hỏi giáo viên phải sáng tạo hơn so với những gì đã viết trong SGK (chung cho toàn quốc).

## **2.2. Những vấn đề đặt ra đối với đào tạo giáo viên**

Như đã phân tích ở trên, đổi mới đào tạo giáo viên là vấn đề lớn, cần có giải pháp đồng bộ của nhiều bộ, ngành và các địa phương. Đối với ngành Giáo dục, sự đổi mới phải đồng bộ cả từ công tác quản lý của ngành từ Bộ giáo dục tới các cấp quản lý ở địa phương; các cơ sở đào tạo giáo viên, mỗi giảng viên và người học. Chúng tôi cho rằng, đối với các cơ sở đào tạo giáo viên, có những vấn đề đặt ra như sau:

Thứ nhất, sản phẩm đầu ra của ngành đào tạo giáo viên phải được thiết kế lại. Trên thực tế, các cơ sở đào tạo giáo viên đã có bước chuyển biến trong đào tạo để đáp ứng yêu cầu của xã hội, nhưng theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu và của thực tiễn, đổi mới của các cơ sở đào tạo giáo viên vẫn còn chậm, chưa toàn diện, chưa theo kịp yêu cầu. Đây là vấn đề căn cốt, và để sản phẩm đầu ra của đào tạo giáo viên đáp ứng tốt yêu cầu CTGDPT 2018 thì cần có nhiều điều kiện thiết yếu mà các cơ sở đào tạo giáo viên phải đáp ứng.

Thứ hai, đảm bảo đủ số lượng giáo viên để cung cấp cho ngành Giáo dục quốc dân. Chất lượng giáo dục không thể đảm bảo khi không đủ giáo viên. Việc hiện nay nhiều cơ sở giáo dục, đặc biệt là khối công lập phải bố trí quá nhiều học sinh trong một lớp dẫn đến chất lượng giảng dạy, chăm sóc học sinh giảm sút. Đó là chưa nói đến nhiều địa phương còn thiếu giáo viên nhưng không có nguồn tuyển, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

Như vậy, vấn đề đặt ra đối với ngành Giáo dục là phải đáp ứng cả chất lượng và số lượng giáo viên để thực hiện CTGDPT 2018.

## **3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu thông qua phương pháp định tính là tổng hợp và phân tích lý thuyết, khái quát những nhân định khoa học dựa trên cơ sở nghiên cứu CTGDPT 2018 và thực tiễn hoạt động giáo dục, hoạt động đào tạo giáo viên hiện nay. Trên cơ sở đó chỉ ra những vấn đề đang đặt ra cần phải giải quyết, từ đó đề xuất một số giải pháp khả thi giải quyết vấn đề.

## **4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN NGHIÊN CỨU**

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề đặt ra, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

### **4.1. Đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT)**

Đây có thể coi là điểm lạc hậu nhất trong công tác đào tạo giáo viên. Có thời gian dài, CTĐT của các cơ sở đào tạo giáo viên gần như giống nhau, theo đó, CTĐT được thiết kế thiên về lý thuyết, hàn lâm, chủ yếu cung cấp kiến thức. Thời lượng dành cho các môn lý luận chính trị, các môn cơ sở ngành chiếm tỷ trọng khá lớn, thời lượng dành cho các môn chuyên ngành ít, không đáp ứng đào tạo chuyên sâu. Đặc biệt, thời lượng dành cho các môn kỹ năng không được chú ý; thực tập nghề nghiệp quá ít, chưa hiệu quả.

Hạn chế trên đã được khắc phục phần nào khi gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép các cơ sở đào tạo đại học được tự chủ trong xây dựng CTĐT [2], theo đó, ngoài các học phần chung (lý luận chính trị, ngoại ngữ, giáo dục thể chất...) và quy định số tín chỉ tối thiểu, các điều kiện đảm bảo cũng như đặt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với ngành đào tạo giáo viên, phần còn lại, các trường được chủ động thiết kế trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, CTĐT của nhiều cơ sở đào tạo giáo viên không có nhiều thay đổi có tính chất đột phá. Nguyên nhân của hạn chế trên là nhiều cơ sở đào tạo giáo viên, đặc biệt là các trường công lập, bị hạn chế, ràng buộc bởi biên chế nhân sự; muốn đưa môn học mới vào giảng dạy, phải có giảng viên đủ điều kiện đảm nhiệm, trong khi đó, việc tuyển dụng mới nhân sự lại bị khống chế bởi chỉ tiêu biên chế, họ không được tự chủ. Mặt khác, đâu đó còn có vấn đề lợi ích nhóm trong xây dựng CTĐT, đưa vào những môn học thuận lợi cho chuyên ngành của một số giảng viên nào đó, không lấy mục tiêu chuẩn đầu ra làm đầu.

Đổi mới CTĐT giáo viên lần này phải gắn liền, bám sát với yêu cầu của CTGDPT 2018. Điều đó phải được xác định rõ, cụ thể hóa trong chuẩn đầu ra. Lấy những yêu cầu đối với giáo viên, mục tiêu của CTGDPT 2018 để xác định chuẩn đầu ra của đào tạo giáo viên. Tóm lại, đào tạo giáo viên để thực hiện CTGDPT 2018. Dĩ nhiên, để xác định được chuẩn đầu ra như vậy là cả quá trình với nhiều thay đổi căn bản từ thiết kế chương trình đào tạo, các học phần đáp ứng, các điều kiện đảm bảo và đặc biệt là nhân tố giảng viên.

#### **4.2. Nâng cao chất lượng giảng viên**

Các cơ sở đào tạo giáo viên phải kiên quyết đưa những học phần mới vào giảng dạy cho sinh viên, không phải đưa những học phần nào có người đảm nhận, mà phải trên cơ sở ma trận chuẩn đầu ra, học phần đưa vào giảng dạy phải nhằm mục tiêu cụ thể hình thành những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nào cho giáo viên theo yêu chuẩn đầu ra đã xác định. Như vậy, từ yêu cầu đổi mới CTĐT, tất yếu dẫn tới yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Đây là vấn đề then chốt trong đổi mới đào tạo giáo viên. Người đổi mới, thiết kế CTĐT và đưa chương trình đó vào giảng dạy, chính là giảng viên. Nhưng việc đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho giảng viên các trường sư phạm cần có thời gian, kinh phí, đòi hỏi sự nỗ lực của các trường, các giảng viên cũng như sự hỗ trợ thiết thực của Nhà nước. Trong trường hợp các cơ sở đào tạo giáo viên không có đủ nhân lực, phải có cơ chế để mời giáo sư, giảng viên thỉnh giảng từ trường khác, ngoài xã hội, kể cả nước ngoài.

Vấn đề đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới công tác đánh giá sinh viên cũng phải được đồng bộ đổi mới đi theo.

#### **4.3. Nâng cao các điều kiện đảm bảo cho công tác đào tạo, xây dựng môi trường học tập chuẩn mực sư phạm, dân chủ, nhân văn**

Đó không chỉ là điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, cơ sở thực hành nghề nghiệp; đó còn là môi trường học tập, rèn luyện. Người giáo viên phải được đào tạo trong một môi trường đạt chuẩn, sư phạm, dân chủ, nhân văn, khi ra trường mới có thể áp dụng tinh thần đó với học sinh của mình. Đến nay, trong đào tạo giáo viên vẫn còn không ít tình trạng thầy đọc trò chép. Công việc dạy và học trong tinh thần mới sẽ là “giảng ít, học nhiều”, chuyển từ dạy - học sang tự học là chính, chuyển một phần đáng kể từ giảng dạy sang tổ chức các hoạt động học và hướng dẫn cho người học một cách phù hợp với từng cấp học. Năng lực là sự “tự thân”, phát triển là tự phát triển, không thể áp đặt cứng nhắc, máy móc; người thầy hướng dẫn phương pháp tiếp cận và tác động vào các yếu tố bên trong người học, kích thích để nó tự phát triển. Quá trình này không thể một chiều, mà phải có sự tương tác giữa nhà giáo dục và người học.

#### 4.4. Đổi mới công tác thực tập nghề nghiệp

Việc này gắn với đổi mới CTĐT đã phân tích ở trên. Chương trình đào tạo giáo viên hiện nay cũng bộc lộ bất cập là chưa sát với thực tiễn hành nghề của giáo viên tại các nhà trường và thời lượng dành cho việc thực hành kỹ năng nghề chưa đủ.

Nhưng đổi mới công tác thực tập nghề nghiệp không chỉ là tăng thời lượng thực tập (phổ biến là 8 tuần) lên nhiều hơn, mà điều quan trọng nữa là cách thức tổ chức sao cho hiệu quả, khoa học, tránh hình thức [3]. Kỹ năng không bao giờ được hình thành ngay tức thì, mà cần có quá trình rèn luyện, luyện tập, thực hành nghiêm túc. Các cơ sở đào tạo giáo viên nên xây dựng các trung tâm nghiệp vụ sư phạm, các trường thực hành trong trường sư phạm, cũng như kết nối với các trường ở địa phương để tạo thành hệ thống trường thực hành sư phạm cho mình. Việc thực hành nghề chia thành nhiều giai đoạn, mức độ, và có thể đưa vào từ năm thứ nhất. Việc đưa sinh viên, giảng viên xuống trường mầm non, phổ thông và ngược lại mời giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục giỏi ở các trường mầm non, phổ thông đến trường sư phạm chia sẻ kinh nghiệm và hướng dẫn thực hành nghề cần được chú trọng, thực hiện thường xuyên. Trước đây, việc sinh viên sư phạm đi thực tập chủ yếu là thực tập giảng dạy và thực tập chủ nhiệm. Điều đó là quan trọng nhưng chưa đủ. Bởi lẽ, nhà giáo cần những tố chất đặc biệt, những kỹ năng đặc biệt so với nhiều ngành khác. Vì thế cần thiết, ngay từ thời gian đầu, sinh viên mới cần được nhúng ngay vào môi trường dạy học ở phổ thông, phải được đào tạo bằng cách tổ chức cho người học trải nghiệm thực hành các hoạt động nghề nghiệp trong giáo dục phổ thông [4].

Càng ngày, việc học qua trải nghiệm [5] càng được chú trọng. Học qua trải nghiệm trở thành xu hướng giáo dục của thế giới do có hiệu quả cao trong việc cá nhân hóa việc học; người học tham gia vào quá trình này bằng cách chủ động quan sát, nghiên cứu và xử lý vấn đề, thực học thực làm.

Một sinh viên sư phạm giỏi không thể chỉ giỏi kiến thức khoa học cơ bản mà phải giỏi về nghiệp vụ sư phạm, có kỹ năng nói, viết tốt, khả năng xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm. Điều đó đòi hỏi rèn luyện thời gian đủ dài. Chỉ có cách gắn với thực tiễn giáo dục ở nhà trường phổ thông thường xuyên, trực tiếp tham gia, xử lý giải quyết vấn đề trong môi trường thực, sinh viên sư phạm mới có thể hình thành kỹ năng sư phạm một cách đầy đủ, ý thức được yêu cầu của công việc và cũng qua đó, tình yêu nghề nghiệp, yêu học sinh được nảy nở, phát triển. Họ trở thành những nhà giáo dục trước cả khi được tuyển dụng vào một ngôi trường nào đó.

#### 4.5. Phát huy các nguồn lực xã hội để đào tạo giáo viên

Như đã trình bày ở trên, bên cạnh việc nâng cao chất lượng giáo viên thì vấn đề số lượng giáo viên cũng đặc biệt quan trọng. Rõ ràng, không có đủ giáo viên đứng lớp đúng tiêu chuẩn quy định, đúng chuyên ngành... thì chất lượng giáo dục sẽ bị giảm sút, việc thực hiện CTGDPT 2018 sẽ không đáp ứng yêu cầu.

Muốn đáp ứng đủ giáo viên phục vụ cho ngành Giáo dục thì cần huy động mọi nguồn lực (ngoài nguồn lực ngân sách Nhà nước) cho công tác đào tạo giáo viên, nhất là các bậc học Mầm non, Tiểu học; các ngành đào tạo đặc thù như: ngôn ngữ, nghệ thuật, thể thao; công nghệ thông tin.

Các cơ sở đào tạo giáo viên tư thục có thể mạnh về vốn, cơ sở vật chất, đội ngũ cần phải được huy động để tăng thêm nguồn lực cho đào tạo giáo viên, vốn đang rất hạn hẹp. Nhà nước tăng cường công tác quản lý để đảm bảo chất lượng. Nhà tuyển dụng lao động, thị trường lao động là cơ quan đánh giá chất lượng đào tạo tốt nhất. Chỉ có vậy, nguồn lực cho đào tạo giáo viên mới được khơi thông như tinh thần của Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành TW [6].

### 5. KẾT LUẬN

Vấn đề đổi mới đào tạo giáo viên đã được đặt ra khá lâu, càng trở nên cấp thiết khi CTGDPT 2018 được đưa vào triển khai. Cần phải có sự vào cuộc quyết liệt cả từ các cấp quản lý từ trung ương tới

địa phương, các cơ sở đào tạo giáo viên và cả mỗi cán bộ, giảng viên. Việc đổi mới đó cần được tiến hành đồng bộ cả về thay đổi cách thức tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo, đánh giá sinh viên, trong đó đổi mới chương trình đào tạo, đổi mới công tác thực tập nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất nhà giáo dục đóng vai trò quyết định.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Số: 32/2018/TT-BGDĐT, Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2018 – Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2021.
- [3] My Giang Sơn, *Quản lý thực tập sư phạm trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo định hướng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học*, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.
- [4] Đinh Quang Báo, *Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Hùng Vương, số 1, tr. 46 – 54. 2021.
- [5] Kolb, D.A., “*Experiential learning: experience as the source of learning and Development*”, Englewood Cliffs, New Jersey: Prentice-Hall, 1994.
- [6] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, 2013.